

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên theo triều trong những ngày tới; mực nước thấp nhất ngày tại các trạm biến đổi chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau lên trở lại.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất tại các trạm lên chậm theo triều, mực nước thấp nhất ngày biến đổi chậm trong 5 ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 16/01 đến 20/01/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BD I	BD II	BD III		15/01	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.21	-0.48	-0.25	1.28	1.33	1.37	1.40	1.42
						Min	-0.10	-0.20	-0.81	-0.12	-0.13	-0.12	-0.09	-0.02
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.29	-0.38	-0.05	1.36	1.41	1.45	1.48	1.50
						Min	-0.22	-0.11	-0.47	-0.24	-0.25	-0.24	-0.21	-0.14
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.25	-0.30	-0.30	1.29	1.34	1.38	1.41	1.43
						Min	0.33	-0.24	-0.71	0.35	0.33	0.34	0.37	0.44
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.38	-0.43	-0.06	1.44	1.49	1.53	1.56	1.58
						Min	-0.09	-0.17	-0.65	-0.11	-0.12	-0.11	-0.08	-0.01
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.45	-0.40	0.04	1.50	1.55	1.59	1.62	1.64
						Min	-0.22	-0.07	-0.44	-0.24	-0.25	-0.24	-0.21	-0.14
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.36	-0.39	-0.04	1.42	1.47	1.51	1.54	1.56
						Min	-0.18	-0.15	-0.53	-0.20	-0.21	-0.20	-0.17	-0.10
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.53	-0.10	-0.10	0.55	0.56	0.58	0.62	0.64
						Min	0.22	-0.08	-0.21	0.23	0.25	0.26	0.27	0.26
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.34	-0.09	-0.05	0.34	0.36	0.38	0.39	0.40
						Min	0.26	-0.14	-0.11	0.27	0.28	0.29	0.30	0.29
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.54	-0.15	-0.08	0.56	0.57	0.59	0.61	0.62
						Min	0.21	-0.16	-0.21	0.22	0.23	0.24	0.25	0.24
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.65	-0.12	0.12	0.67	0.68	0.70	0.71	0.72
						Min	0.44	-0.32	-0.01	0.46	0.47	0.49	0.50	0.50
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.33	-0.11	0.00	0.33	0.34	0.36	0.38	0.39
						Min	0.21	-0.17	-0.08	0.22	0.23	0.25	0.26	0.26
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.77	-0.13	0.10	0.79	0.81	0.83	0.85	0.86
						Min	0.55	-0.20	0.02	0.56	0.58	0.59	0.60	0.60
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.10	-0.16	0.13	1.14	1.16	1.19	1.21	1.23
						Min	0.54	-0.27	-0.11	0.56	0.57	0.59	0.61	0.62
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.81	-0.15	0.10	0.83	0.85	0.87	0.89	0.90
						Min	0.49	-0.25	-0.13	0.50	0.52	0.53	0.55	0.55

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 16/01/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan